

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2024 (bao gồm cả vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024) thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2)**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025; số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; số 1602/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 về giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 452/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024, tỉnh Thanh Hóa; số 514/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1); số 536/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 (bao gồm cả vốn năm 2023 chưa phân bổ chuyển sang năm 2024) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2);

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, tỉnh Thanh Hóa; số 1258/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1).

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 38/TTr-BDT ngày 14/6/2024 (kèm theo văn bản số 3224/STC-QLNSHX ngày 14/6/2024 của Sở Tài chính).

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 (bao gồm cả vốn năm 2023 chưa phân bổ chuyển sang năm 2024) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng vốn sự nghiệp năm 2024 còn lại chưa phân bổ (bao gồm cả vốn năm 2023 chưa phân bổ chuyển sang năm 2024): 233.895,8 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo).*

2. Tổng số vốn phân bổ đợt này (đợt 2): 233.895,8 triệu đồng, bao gồm:

2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 37.245 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ biểu I.1 kèm theo).*

Ban Dân tộc chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành Trung ương; trên cơ sở nhu cầu đăng ký vốn của các huyện, hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Tiểu dự án 1-Dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: 868 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ biểu I.2 kèm theo).*

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành Trung ương; trên cơ sở nhu cầu đăng ký vốn của các huyện, hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2.3. Tiểu dự án 1-Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 181.354,8 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ biểu I.3 kèm theo).*

Ban Dân tộc chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương; trên cơ sở danh mục và kinh phí các huyện đã đề xuất, tiến hành kiểm tra, hướng dẫn, thông báo danh mục cho các huyện để làm cơ sở triển khai thực hiện.

2.4. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 14.428,0 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ biểu I.4 kèm theo).*

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành Trung ương; trên cơ sở nhu cầu đăng ký vốn của các huyện, hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn thực hiện

Từ nguồn vốn sự nghiệp Trung ương giao năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ban Dân tộc chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung tham mưu, thẩm định số liệu báo cáo và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

2. Sở Tài chính thực hiện thông báo bổ sung có mục tiêu cho các huyện để tổ chức thực hiện.

3. UBND các huyện, thị xã căn cứ nguồn vốn được giao và trên cơ sở thông báo danh mục của Ban Dân tộc, chủ động phê duyệt mức kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đối với từng công trình theo quy định tại Mục 4 Chương II Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025.

4. Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các ngành, đơn vị liên quan, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án, tiểu dự án.

5. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã được giao kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chủ động phối hợp với các cơ quan chủ quản chương trình và cấp có thẩm quyền để triển khai thực hiện đúng quy định; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, công khai, dân chủ, có hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành; báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả về Ban Dân tộc, Sở Tài chính; đồng thời, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện các dự án, tiểu dự án.

6. Các sở, ngành, địa phương thực hiện huy động và lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo nội dung và nguyên tắc quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; việc lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo theo Luật ngân sách nhà nước, có cùng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, nội dung hoạt động và được thực hiện trên cùng một địa bàn cấp huyện, cấp xã của chương trình mục tiêu quốc gia và phù hợp với các văn bản quy định liên quan. Việc huy động và lồng ghép tránh chồng chéo, trùng lặp; quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng Ban Dân tộc;

Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Các Bộ: Tài chính, Ủy ban Dân tộc, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VX, KTTC (TĐN33503).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Minh Tuấn**

**Phụ lục I**

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 (BAO GỒM CẢ VỐN NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024)  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)*

*Đvt: Triệu đồng*

STT	Tên Dự án/Tiểu dự án	Vốn thực hiện năm 2024 (bao gồm cả vốn năm 2023 chưa phân bổ chuyển sang năm 2024)			Phân bổ (đợt 2)	Ghi chú
		Tổng số	Năm 2023	Năm 2024		
A	B	<i>1=2+3</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>233.895,8</b>	<b>56.890,8</b>	<b>177.005,0</b>	<b>233.895,8</b>	
1	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	<b>51.793,0</b>		<b>51.793,0</b>	<b>37.245,0</b>	Chi tiết tại Phụ biểu I.1
2	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	<b>161.801,8</b>	<b>53.390,8</b>	<b>108.411,0</b>	<b>868,0</b>	
-	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.				868,0	Chi tiết tại Phụ biểu I.2
3	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>				<b>181.354,8</b>	
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.				181.354,8	Chi tiết tại Phụ biểu I.3
4	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.</b>	<b>20.301,0</b>	<b>3.500,0</b>	<b>16.801,0</b>		
5	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.</b>				<b>14.428,0</b>	Chi tiết tại Phụ biểu I.4

**Phụ lục II**

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 (BAO GỒM CẢ VỐN NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024)  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Dvt: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Các Dự án, Tiểu dự án thành phần			
			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Tiểu dự án 1, Dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch
A	B	$I=2+3+4+5$	2	3	4	5
I	<b>TỔNG VỐN NSTW NĂM 2024 CHƯA PHÂN BỐ (BAO GỒM CẢ VỐN NĂM 2023 CHƯA PHÂN BỐ CHUYỂN SANG NĂM 2024)</b>	<b>233.895,8</b>				
II	<b>TỔNG VỐN PHÂN BỐ ĐỢT 2</b>	<b>233.895,8</b>	<b>37.245,0</b>	<b>868,0</b>	<b>181.354,8</b>	<b>14.428,0</b>
1	Huyện Mường Lát	32.619,0	3.094,0		29.525,0	
2	Huyện Quan Hóa	24.485,0	3.039,0	765,0	20.681,0	
3	Huyện Quan Sơn	13.653,0	1.236,0		12.302,0	115,0
4	Huyện Bá Thước	39.045,0	9.857,0		29.188,0	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Các Dự án, Tiểu dự án thành phần			
			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Tiểu dự án 1, Dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch
					Nội dung: Hỗ trợ các xã, thôn BDKK	
A	B	$1=2+3+4+5$	2	3	4	5
5	Huyện Lang Chánh	15.235,0	3.128,0	103,0	11.716,0	288,0
6	Huyện Ngọc Lặc	14.480,8	6.157,0		6.499,8	1.824,0
7	Huyện Cẩm Thủy	2.872,0	175,0			2.697,0
8	Huyện Thường Xuân	30.437,0	4.198,0		19.903,0	6.336,0
9	Huyện Như Xuân	25.697,0	3.800,0		21.033,0	864,0
10	Huyện Như Thanh	16.214,0	1.509,0		13.371,0	1.334,0
11	Huyện Thạch Thành	13.648,0	860,0		11.818,0	970,0
12	Huyện Triệu Sơn	4.727,0			4.727,0	
13	Huyện Thọ Xuân	33,0	33,0			
14	Huyện Hà Trung	39,0	39,0			
15	Thị xã Nghi Sơn	711,0	120,0		591,0	



**Phụ biểu 1.1**  
**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2024 THỰC HIỆN DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở,**  
**NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Nhu cầu hỗ trợ		Tính điểm			Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 2)		
		Chuyển đổi nghề (hộ)	Nước SH phân tán (hộ)	Chuyển đổi nghề (0,1 điểm/hộ)	Nước SH phân tán (0,03 điểm/hộ)	Tổng điểm Dự án	Chuyển đổi nghề	Nước SH phân tán	Tổng số
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.682</b>	<b>3.475</b>	<b>268,2</b>	<b>104,25</b>	<b>372,45</b>	<b>26.820</b>	<b>10.425</b>	<b>37.245</b>
1	Huyện Mường Lát	187	408	18,7	12,24	30,94	1.870	1.224	3.094
2	Huyện Quan Hóa	72	773	7,2	23,19	30,39	720	2.319	3.039
3	Huyện Quan Sơn		412		12,36	12,36		1.236	1.236
4	Huyện Bá Thước	821	549	82,1	16,47	98,57	8.210	1.647	9.857
5	Huyện Lang Chánh	254	196	25,4	5,88	31,28	2.540	588	3.128
6	Huyện Ngọc Lặc	553	209	55,3	6,27	61,57	5.530	627	6.157
7	Huyện Cẩm Thủy	4	45	0,4	1,35	1,75	40	135	175
8	Huyện Thường Xuân	259	536	25,9	16,08	41,98	2.590	1.608	4.198
9	Huyện Như Xuân	380		38		38,00	3.800		3.800
10	Huyện Như Thanh	129	73	12,9	2,19	15,09	1.290	219	1.509
11	Huyện Thạch Thành	14	240	1,4	7,20	8,60	140	720	860
12	Huyện Thọ Xuân		11		0,33	0,33		33	33
13	Huyện Hà Trung		13		0,39	0,39		39	39
14	Thị xã Nghi Sơn	9	10	0,9	0,3	1,20	90	30	120

Phụ biểu 1.2

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 3  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GẮN VỚI BẢO VỆ RỪNG VÀ NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Khối lượng (ha)		Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 2)		
		Diện tích hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng	Diện tích khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng mới	Kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cộng đồng (0,4 triệu đồng/ha)	Hỗ trợ lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng (0,05 triệu đồng/ha)	Tổng số
A	B	I	2	3	4	5=3+4
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.928,79</b>	<b>1.928,79</b>	<b>772</b>	<b>96</b>	<b>868</b>
1	Huyện Quan Hóa	1.700	1.700	680	85	765
2	Huyện Lang Chánh	228,79	228,79	92	11	103

**Phụ biểu 1.3**

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN TIÊU DỤ ÁN 1, DỰ ÁN 4  
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)*

*Đvt: Triệu đồng*

TT	Đơn vị	Xã KVIII (09 điểm/ xã)	Trong đó		Xã ATK (I, II) (8 điểm/xã)	Thôn ĐBK (1,8 điểm/thôn)	Tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBK (0,03 điểm/1%)	Điểm số các xã, thôn ĐBK	Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 2)
			KV III ATK (01 điểm/xã)	KV III BG (01 điểm/xã)					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>20</b>	<b>2</b>	<b>10</b>	<b>3</b>	<b>177</b>	<b>595,07</b>	<b>552,5</b>	<b>181.354,8</b>
1	Huyện Mường Lát	8		7			364,72	89,9	29.525,0
2	Huyện Quan Hóa					35		63	20.681,0
3	Huyện Quan Sơn	2		2		9	42,52	37,5	12.302,0
4	Huyện Bá Thước	1				44	23,77	88,9	29.188,0
5	Huyện Lang Chánh	1		1		14	16,3	35,7	11.716,0
6	Huyện Ngọc Lặc					11		19,8	6.499,8
7	Huyện Thường Xuân	1			3	15	20,98	60,6	19.903,0
8	Huyện Như Xuân	5	2			8	89,03	64,1	21.033,0
9	Huyện Như Thanh	2				12	37,75	40,7	13.371,0
10	Huyện Thạch Thành					20		36	11.818,0
11	Huyện Triệu Sơn					8		14,4	4.727,0
12	Thị xã Nghi Sơn					1		1,8	591,0

**Phụ biểu 1.4**

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Mục tiêu các nhiệm vụ (NV) thành phần của Dự án 6												Tổng số điểm	Phân bổ vốn năm 2024 (đợt 2)
		NV 3 (3,5 điểm/nv)	NV 4 (0,6 điểm/nv)	NV 5 (2,0 điểm/nv)	NV 6 (3,5 điểm/nv)	NV 7 (3,5 điểm/nv)	NV 8 (02 điểm/nv)	NV 9 (0,5 điểm/nv)	NV 13.1 (03 điểm/nv)	NV 14 (3,5 điểm/nv)	NV 16 (0,3 điểm/nv)	NV 17.2 (05 điểm/nv)	NV 18.2 (0,3 điểm/nv)		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3</b>	<b>2</b>		<b>3</b>	<b>7</b>	<b>21</b>	<b>29</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>21</b>	<b>0</b>	<b>71</b>	<b>150,3</b>	<b>14.428</b>
1	Huyện Quan Sơn										2		2	1,2	115
2	Huyện Lang Chánh												10	3	288
3	Huyện Ngọc Lặc	1	2		1	1	1	1	1		1		5	19	1.824
4	Huyện Cẩm Thủy			1			10	5			6		6	28,1	2.697
5	Huyện Thường Xuân	2		2	2	5	5	10	1	1	10		20	66	6.336
6	Huyện Như Xuân			1		1	1						5	9	864
7	Huyện Như Thanh			1			2	8					13	13,9	1.334
8	Huyện Thạch Thành						2	5			2		10	10,1	970